

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HS-ST

Ngày 29-06-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Ký và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 05 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2023 đối với:

- *Bị cáo:* Nguyễn Văn S, sinh ngày 12/07/1988, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S1 và bà: Nguyễn Thị É; có vợ: Nguyễn Thị L và 03 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* cháu Bùi Tuấn N, sinh năm 2015; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* anh Bùi Văn P, sinh năm 1990 và chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1987; cùng nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (là bố mẹ của bị hại). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1987; nơi cư trú: số nhà F, Quốc lộ A, khu B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: khu E, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: bà Vũ Thị H1 - Chức danh: Giám đốc công ty. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 26/01/2023, Nguyễn Văn S có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe ô tô đầu kéo, biển kiểm soát 36C - 100.00, kéo Rơ moóc biển kiểm soát 36R - 015.95 chạy trên tuyến Quốc A, hướng Hà Nội đi Thanh Hóa. Khi đến Km 294 + 300 Quốc lộ A, thuộc địa phận thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì Sáng phát hiện phía trước cùng chiều có xe mô tô biển kiểm soát 36Z5 - 0108 do anh Bùi Văn P điều khiển chở phía sau hai cháu Bùi Hoàng Q, Bùi Tuấn N và xe mô tô biển kiểm soát 36B3-003.80 do chị Lê Thị Kim T (vợ anh P) điều khiển chạy ở làn đường dành cho xe thô sơ. Sáng bật đèn xi nhan phải, đồng thời đánh lái xe từ làn đường giữa vào làn thô sơ để dừng xe nghỉ trưa, lúc này xe mô tô anh P điều khiển đang chạy phía trước, S điều khiển xe vượt qua xe anh P thì mặt trước ngoài đầu bên phải Ba-đờ-xóc trước của xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 36C - 100.00 va với mặt sau ngoài tay nắm bên trái xe mô tô do anh P điều khiển, làm xe mô tô ngã xuống đường, anh P ngã văng vào rào chắn đường sắt bị thương tích ở cẳng chân trái, cháu Q bị thương tích nhẹ còn cháu N bị bánh xe hàng lớp thứ hai cầu móc cán qua chân và người. Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo cùng người dân đi đường đưa anh P và cháu N được đến Bệnh viện đa khoa huyện H. Tuy nhiên, do thương tích nặng nên đến 14 giờ cùng ngày cháu N đã tử vong.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/01/2023 của cơ quan điều tra Công an huyện H xác định:

“Hiện trường xảy ra tại nạn thuộc Km 294+300 QL1A, thuộc xã Y, huyện H, có hai chiều xe chạy riêng biệt ngăn cách nhau bằng dải phân cách cứng. Đoạn đường xảy ra tai nạn nằm trên chiều đường H- Thanh Hóa, có 03 làn xe chạy: 02 làn xe cơ giới rộng 3,56m/làn, 01 làn xe thô sơ rộng 3,0m, lề cỏ sát rào chắn đường sắt rộng 80cm. Điểm móc được xác định là Km 294+300 QL1A. Lấy mép đường nhựa bên phải chiều QL1A hướng Hà Nội-Thanh Hóa làm mép chuẩn.

Các dấu vết được đánh dấu thứ tự từ 1-5 thể hiện đầy đủ trong biên bản, sơ đồ khám nghiệm hiện trường:

1. Vị trí số (1) được xác định là vết cày trượt của xe mô tô BKS:36Z5-0108 có kích thước (1,57 x 0,07)m. Đầu vết cách mép chuẩn là 17cm, đo từ điểm cuối của

vết vào mép chuẩn là 20cm. Đo từ điểm đầu vết cày trượt cách mốc chuẩn là 34m, đo từ điểm cuối của vết số (1) cách điểm đầu của vết số (2) là 60cm.

2. Vị trí số (2) được xác định là vết tỳ trượt của bàn để chân bên trái phía trước có KT(1,40 x 0,04)m. Đo từ điểm đầu vết tỳ trượt vào mép chuẩn là 22cm, đo điểm cuối của vết vào mép chuẩn là 20cm, đo từ điểm đầu của vết số (2) trục bánh xe số (3) là 1m40.

3. Vị trí số (3) là xe mô tô BKS 36Z5- 0108 nằm đổ nghiêng về bên trái đầu xe quay hướng Tây, đuôi xe quay hướng Đông, đo từ trục trước vào mép chuẩn là 90cm. Đo từ tâm trục sau vào mép chuẩn là 35cm. Đo từ tâm trục sau đến tâm vết máu số (4) là 9,50m.

4. Vị trí số (4) là vết máu KT(1,10 x 2,40)m. Đo từ tâm vết máu đến mép chuẩn là 80cm, đo từ tâm vết máu (4) đến vị trí trục sau xe ô tô số (5) là 42,70m.

5. Vị trí số (5) là xe ô tô đầu kéo BKS: 36C-100.00. Đầu xe quay hướng Thanh Hóa, đuôi xe quay hướng Hà Nội. Đo từ trục trước nằm trên mép chuẩn, trục giữa bánh xe số (3) nằm trên mép chuẩn. Đo từ trục sau vào mép chuẩn là 20cm”.

Tại Kết luận giám định số 779/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của P1 Công an tỉnh T kết luận:

“1. Va chạm giữa xe ô tô đầu kéo BKS: 36C- 100.00 kéo theo Rơ-mooc BKS: 36R- 015.95 với xe mô tô BKS 36Z5- 0108:

- Điểm va chạm đầu tiên: Mặt trước ngoài đầu bên phải Ba-đờ- xóc trước xe ô tô đầu kéo BKS 36C-100.00 với mặt sau ngoài tay nắm bên trái xe mô tô BKS 36Z5-0108.

- Tại thời điểm va chạm, xe ô tô đầu kéo BKS 36C-100.00 ở phía bên trái, chuyển động cùng chiều và có vận tốc lớn hơn so với xe mô tô BKS 36Z5-0108; Xe mô tô BKS: 36Z- 0108 đang chuyển động.

- Vị trí va chạm nằm trước đầu vết cày trượt(1), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên làn đường giành cho xe thô sơ của phần đường theo hướng từ thành phố Hà Nội đi tỉnh Thanh Hóa..

- Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe ô tô đầu kéo BKS 36C-100.00 kéo theo Rơ-mooc BKS 36R-015.95 và xe mô tô BKS 36Z5-0108 tại thời điểm xảy ra tai nạn.

- Ngoài va chạm với xe ô tô đầu kéo BKS 36C- 100.00 kéo theo Rơ-mooc BKS 36R-015.95 , không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô BKS 36Z5- 0108 với phương tiện khác.

- Ngoài va chạm với xe mô tô BKS 36Z5- 0108, không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe ô tô đầu kéo BKS 36C- 100.00 kéo theo R-mooc BKS 36R-015.95 với phương tiện khác.

2. Va chạm giữa xe ô tô đầu kéo BKS 36C-100.00 kéo theo R-mooc BKS 36R-015.95 với nạn nhân Bùi Tuấn N, nạn nhân Bùi Văn P:

- Các vết tỳ trượt bề mặt in các vân (dạng vân vải), bám dính chất tối màu (dạng mặt vải) và bám dính chất màu nâu (dạng máu và tổ chức cơ thể người) tại mặt trước ngoài đầu bên phải Ba- đờ- xốc trước đầu kéo; mặt ngoài bậc lên xuống bên phải đầu kéo; mặt ngoài cửa bên phải đầu kéo; mặt ngoài phần trước chắn bùn trước bên phải đầu kéo; má ngoài lớp trước bên phải đầu kéo, mặt ngoài L1-zăng lớp trước bên phải đầu kéo, mặt ngoài ốp L1-zăng lớp trước bên phải đầu kéo, tương ứng từ hàng chữ “REGROOVABLE” đến hàng chữ số “1BTR” (theo cùng chiều chuyển động tiến); mặt trước dưới khung đỡ bình dầu (bên phải đầu kéo); mặt và má ngoài lớp ngoài hàng lớp thứ hai bên phải đầu kéo, tương ứng từ hàng chữ “RADIAL” đến cuối hàng chữ số “12.00R20” (theo cùng chiều chuyển động tiến); mặt và má ngoài lớp ngoài hàng lớp thứ ba bên phải đầu kéo, tương ứng từ hàng chữ “PLUS” đến cuối hàng chữ số “12.00R20” (theo cùng chiều chuyển động tiến); mặt và má ngoài lớp ngoài hàng lớp thứ nhất bên phải R-mooc, tương ứng hàng chữ số “BE663” xe ô tô đầu kéo BKS 36C-100.00 kéo theo R-mooc BKS 36R-015.95 phù hợp do va chạm với các nạn nhân trên xe mô tô BKS 36Z5- 0108 tạo nên.

- Không đủ cơ sở xác định cụ thể dấu vết nào là do va chạm với nạn nhân Bùi Tuấn N, dấu vết nào là do va chạm với nạn nhân Bùi Văn P tạo nên.

- Vị trí va chạm giữa xe ô tô đầu kéo BKS 36C-100.00 kéo theo R-mooc BKS 36R-015.95 với nạn nhân Bùi Tuấn N, nạn nhân Bùi Văn P nằm trước đầu vết cày trượt (1), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên làn đường giành cho xe thô sơ của phần đường theo hướng từ thành phố Hà Nội đi tỉnh Thanh Hóa”.

Tại Kết luận giám định số 599/GĐPY - PC09 ngày 07/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “nguyên nhân chết của cháu Bùi Tuấn N do đa chấn thương”.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/03/2023 của cơ quan điều tra Công an huyện H xác định: “anh P từ chối đi giám định là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc”.

Tại kết luận giám định số 1384/KL-KTHS, ngày 07/04/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 01 (một) tệp video của USB gửi giám định; diễn biến của đoạn

video thể hiện: ghi nhận hình ảnh xe gắn camera (A) (tức xe ô tô đầu kéo do Nguyễn Văn S điều khiển) di chuyển trên đường, 01 xe dạng xe mô tô (B) (tức xe mô tô do anh P điều khiển) di chuyển cùng chiều, phía trước xe A. Xe A di chuyển gần đến xe B, sau đó không quan sát thấy xe B, xe A dừng chuyển động. Phụ lục được đánh số từ 01 đến 07 thể hiện đầy đủ trong bản ảnh”.

Tại bản Kết luận giám định số 560/KL-KTHS và số 563/KL-KTHS ngày 06/02/2023 của V, Bộ C kết luận: “Nguyễn Văn S không có nồng độ cồn, không có các chất ma túy”.

Tại bản Kết luận giám định số 562/KL-KTHS ngày 03/2/2023 và số 558/KL-KTHS ngày 07/02/2023 của V, Bộ C kết luận: “Bùi Văn P không có nồng độ cồn, không có các chất ma túy”.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện H số 13/KLDG ngày 09/3/2023 kết luận: “tổng giá trị tài sản thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 36Z5 - 0108 đã qua sử dụng là 405.000đ (Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng)”.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-HT ngày 05/05/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 65; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong nên miễn xét.

- Về xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe hạng FC số 370104005729 mang tên Nguyễn Văn S, do Sở Giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 06/03/2023.

- Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng: quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám phương tiện, kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 26/01/2023, Nguyễn Văn S có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô đầu kéo, biển kiểm soát 36C - 100.00, kéo Rơ moóc biển kiểm soát 36R - 015.95 di chuyển trên tuyến Quốc lộ A, hướng Hà Nội đi Thanh Hóa. Khi đi đến Km 294 + 300 Quốc lộ A, thuộc địa phận thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, do vượt xe không đảm bảo an toàn nên đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 36Z5 - 0108 do anh Bùi Văn P điều khiển chở phía sau cháu Bùi Hoàng Q và cháu Bùi Tuấn N, khiến xe mô tô BKS 36Z5 - 0108 và người đồ ngã xuống đường. Hậu quả, cháu Bùi Tuấn N tử vong do đa chấn thương. Hành vi của Nguyễn Văn S đã vi phạm khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ quy định về vượt xe, dẫn đến hậu quả chết người. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy tắc an toàn giao thông đường bộ được pháp luật hình sự bảo vệ, hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra dẫn đến cái chết cho cháu Bùi Tuấn N. Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông là do ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ của bị cáo, điều khiển phương tiện tham gia giao thông vượt xe không đúng quy định dẫn đến gây tai nạn chết người. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo lần đầu phạm tội, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt: xét thấy, bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do lỗi vô ý và đã thật sự ăn năn hối cải khi tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách trong một thời gian cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: mặc dù theo quy định của pháp luật dân sự, Công ty Cổ phần T1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi chiếc xe ô tô thuộc sở hữu của mình gây tai nạn, tuy nhiên tại Hợp đồng lao động số 01/HĐLD ngày 01/01/2023 được ký kết giữa bị cáo và công ty T2 bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi lái xe gây ra. Do đó, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 420.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì nên miễn xét.

[7]. Về xử lý vật chứng và giấy tờ, tài liệu liên quan: đối với 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 36C-100.00, 01 (một) xe Rơ moóc biển kiểm soát 36R-015.95 và các giấy tờ liên quan là tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần T1 nên cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ và đúng quy định.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 36Z5-0108 là tài sản thuộc sở hữu của anh Bùi Văn P, cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả lại cho anh P quản lý, sử dụng là đúng quy định.

Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe hạng FC số 370104005729 mang tên Nguyễn Văn S, do Sở Giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 06/03/2023 là giấy tờ tùy

thân của bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 65; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn S 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý giấy tờ, tài liệu liên quan:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe hạng FC số 370104005729 mang tên Nguyễn Văn S, do Sở Giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 06/03/2023 (hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

4. Án phí: buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hà Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam